TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 3 - 2022
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Hồng Điệp

2. Ông Dương Tấn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2021/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Kiều Thị Huyền Tr**, sinh năm: 1992
Hộ khẩu thường trú: 112 Ấp Mỹ Điền, xã L, huyện C, tỉnh Long An
Tạm trú: 236 Ấp Hựu Lộc, xã L, huyện C, tỉnh Long An

2. Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm: 1992
Địa chỉ: 112 Ấp Mỹ Điền, xã L, huyện C, tỉnh Long An

(*Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/10/2021 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Kiều Thị Huyền Tr trình bày như sau: Chị và anh T cưới nhau năm 2015, hôn nhân do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị không có công việc có thu nhập ổn định nên kinh tế gia đình khó khăn mà anh T lại không đưa tiền phụ chị lo cho con nên vợ chồng thường xuyên cãi vả. Từ năm 2018 vợ chồng mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau đến tháng 11/2020 chị bỏ về bên nhà cha mẹ ruột ở và vợ

chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Kiều Minh T1, sinh ngày 04/6/2016 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Trần Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia hòa giải và cũng không nộp bản tường trình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trần Minh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Kiều Thị Huyền Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh T là quan hệ pháp luật "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Chị Tr và anh T cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể giải quyết để tiếp tục chung sống hạnh phúc.

[2.3] Xét thấy anh Trần Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh T vẫn không đến tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa từ đó cho thấy anh T cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị Tr để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Kiều Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Trần Minh T.

[2.4] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trần Kiều Minh T1, sinh ngày 04/6/2016 hiện đang sống với chị Tr, chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy cháu T1 hiện đang sống ổn định với chị Tr và anh T cũng không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr cho chị Tr được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận và buộc anh

T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng kể từ ngày 24/3/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung: Chị Tr trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu anh T có chứng cứ chứng minh vợ chồng có tài sản chung và có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[2.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Kiều Thị Huyền Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Kiều Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Trần Minh T.

2. Về nuôi con chung: Chị Kiều Thị Huyền Tr được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Kiều Minh T1, sinh ngày 04/6/2016. Anh Trần Minh T cấp

dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng kể từ ngày 24/3/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Kiều Thị Huyền Tr phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0005653 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH